TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Hoài Tâm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Nguyễn Thị Bội Hoàn**
2/ Bà **Mai Thị Thu Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoa Kim Cúc** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cam Lâm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông **Trần Xuân Ngọc** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 240/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2024 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/4/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Q- Sinh năm: 1997
Địa chỉ: thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Trần Vũ Q - Sinh năm: 1997
Địa chỉ: thôn Q, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/9/2024, bản tự khai ngày 26/11/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Q trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Bà Q và ông Trần Vũ Q tự nguyện kết hôn với nhau năm 2020 và được Ủy ban nhân dân xã C cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 33/2020 ngày 16/11/2020.

Vào khoảng cuối năm 2022, vợ chồng bà Q bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên kình cãi nhau. Nguyên nhân là do ông Q không chung thủy, thường xuyên nhắn tin yêu đương, tình cảm và có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác. Sau khi phát hiện, bà Q đã khuyên giải và cho ông Q nhiều lần sửa sai

nhưng ông Q vẫn không thay đổi. Tháng 01/2023, bà Q đã đưa con về nhà cha mẹ ruột tại thôn T, xã N, thị xã N sinh sống cho đến nay. Bà Q và ông Q sống ly thân từ tháng 01/2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Bà Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống cùng nhau được nên bà Q yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Vũ Q.

Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng bà Q, ông Q có 01 con chung là cháu Trần Nhật A sinh ngày 08/11/2021. Hiện nay, cháu Nhật A đang ở cùng với bà Q. Bà Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nhật A và yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Nhật A đủ 18 tuổi.

Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

- Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Phạm Thị Q đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn ông Trần Vũ Q không chấp hành các quy định của pháp luật về tố tụng, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 03/10/2024, bà Phạm Thị Q có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Vũ Q, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Vũ Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về yêu cầu ly hôn*: Bà Phạm Thị Q và ông Trần Vũ Q tự nguyện kết hôn với nhau năm 2020 và được Ủy ban nhân dân xã C cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 33/2020 ngày 16/11/2020, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa bà Q và ông Q đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Q không chung thủy, có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác. Vợ chồng bà Q đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải nhưng ông Q vẫn cố tình vắng mặt, cho thấy thái độ bất cần, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng của ông Q. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Q và ông Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Q là có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:* Bà Q và ông Q có 01 con chung là cháu Trần Nhật A sinh ngày 08/11/2021. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Nhật A còn nhỏ, đang sống cùng với bà Q. Vì vậy, yêu cầu nuôi con của bà Q là có căn cứ chấp nhận.

Bà Q yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc ông Q phải cấp dưỡng nuôi con là cần thiết và mức cấp dưỡng bà Q yêu cầu là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận.

[4] *Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn:* Bà Q không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] *Về án phí:* Bà Phạm Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà Q được chấp nhận nên ông Trần Vũ Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Phạm Thị Qđược ly hôn với ông Trần Vũ Q.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

- Giao cháu Trần Nhật A sinh ngày 08/11/2021 cho bà Phạm Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Vũ Q phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Nhật A mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Nhật A đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Bà Q không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí:

Bà Phạm Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008025 ngày 09/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lâm; bà Q đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Trần Vũ Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Quy định: Kể từ ngày bà Phạm Thị Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu hàng tháng ông Trần Vũ Q không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nói trên thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- THADS huyện Cam Lâm;
- Các đương sự;
- UBND xã Cam Hiệp Nam;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hoài Tâm